# Trích nội dung GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

Các ngành nghề được phép hoạt động ở KCN Cầu cảng Phước Đông như sau:

|  |  |
| --- | --- |
| **STT** | **Ngành nghề tiếp nhận** |
| **1** | **Nhóm các dự án về điện tử viễn thông** |
| 1.1 | Dự án sản xuất thiết bị điện, điện tử |
| 1.2 | Dự án sản xuất cáp viễn thông, dây cáp điện |
| 1.3 | Dự án sản xuất, lắp ráp các sản phẩm điện tử, máy vi tính (không sử dụng công nghệ sản xuất có sử dụng tia điện tử để tạo hình ảnh theo công nghệ analog) và sản phẩm quang học (không sử dụng công nghệ sản xuất đèn chiếu sáng bằng sợi đốt trong khí trơ) |
| 1.4 | Dự án sản xuất, lắp ráp các thiết bị điện (trừ biến thế có sử dụng chất làm mát thuộc danh mục cấm) |
| **2** | **Nhóm các dự án về hóa chất, dược phẩm, mỹ phẩm, nhựa, chất dẻo** |
| 2.1 | Sản xuất dược phẩm, thiết bị y tế |
| 2.2 | Sản xuất hóa mỹ phẩm (không sản xuất hóa chất cơ bản) |
| 2.3 | Sản xuất bao PP từ hạt nhựa |
| 2.4 | Sản xuất sơn, hóa chất cơ bản |
| 2.5 | Sản xuất chất dẻo, các sản phẩm từ chất dẻo (nhựa gia dụng) |
| 2.6 | Sản xuất chất hồ vải, chất phân tán đều màu, chất làm mềm vải, chất lưu màu |

|  |  |
| --- | --- |
| **STT** | **Ngành nghề tiếp nhận** |
| 2.7 | Sản xuất thuốc, hóa dược và dược liệu. |
| 2.8 | Dự án đầu tư xây dựng cơ sở sản xuất thuốc thú y. |
| 2.9 | Dự án đầu tư kho chứa hóa chất, sang chiết hóa chất. |
| 2.10 | Dự án đầu tư xây dựng cơ sở sản xuất các sản phẩm nhựa (sử dụng nhựa phế liệu sạch, không có công đoạn tẩy, xúc rửa tại nhà máy). |
| 2.11 | Dự án sản xuất hạt nhựa màu từ hạt nhựa chính phẩm. |
| 2.12 | Dự án đầu tư xây dựng cơ sở sản xuất chất tẩy rửa, phụ gia. |
| **3** | **Nhóm các dự án về dệt nhuộm và may mặc** |
| 3.1 | Dệt kim (không giảm trọng). |
| 3.2 | Dệt kim (có giảm trọng). |
| 3.3 | Dự án sản xuất, gia công các sản phẩm may mặc (không có công đoạn giặt tẩy, nhuộm). |
| 3.4 | Dự án sản xuất các sản phẩm từ nguyên liệu da đã qua thuộc. |
| 3.5 | Không tiếp nhận các dự án chuyên gia công thực hiện nhuộm, hồ tẩy trong ngành may mặc. |
| 3.6 | Dự án sản xuất các sản phẩm may mặc không có công đoạn in, nhuộm. |
| 3.7 | Dự án sản xuất sợi từ bông nguyên liệu. |
| **4** | **Nhóm các dự án về chế biến gỗ, sản xuất thủy tinh, gốm sứ**  |
| 4.1 | Dự án chế biến gỗ (không ngâm tẩm). |
| 4.2 | Dự án sản xuất ván ép. |
| 4.3 | Dự án sản xuất các sản phẩm từ gỗ, tre, nứa, rơm rạ và vật liệu tết bện. |
| 4.4 | Dự án sản xuất giường, tủ, bàn, ghế (không ngâm tẩy). |
| 4.5 | Dự án sản xuất các sản phẩm từ cao su (không chế biến cao su từ mủ cao su) và plastic. |
| 4.6 | Dự án sản xuất đồ nhựa gia dụng và cao cấp (không sử dụng nhựa phế liệu từ các nhà máy khác). |
| 4.7 | Dự án đầu tư xây dựng cơ sở chế biến dăm gỗ từ gỗ tự nhiên (không ngâm tẩm). |
| 4.8 | Dự án đầu tư xây dựng cơ sở sản xuất thủy tinh, gốm sứ. |
| 4.9 | Dự án đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất bóng đèn, phích nước. |

|  |  |
| --- | --- |
| **STT** | **Ngành nghề tiếp nhận** |
| **5** | **Nhóm các dự án sản xuất về giấy và văn phòng phẩm**  |
| 5.1 | Dự án sản xuất văn phòng phẩm; |
| 5.2 | Dự án sản xuất thùng carton giấy từ giấy cuộn; |
| 5.3 | Dự án sản xuất các sản phẩm từ giấy. |
| **6** | **Nhóm các dự án về sản xuất, chế biến thực phẩm, nước giải khát** |
| 6.1 | Dự án sản xuất nước giải khát. |
| 6.2 | Dự án chế biến sữa. |
| 6.3 | Dự án chế biến thực phẩm. |
| 6.4 | Dự án sản xuất bánh kẹo. |
| 6.5 | Dự án chế biến dầu ăn. |
| 6.6 | Dự án chế biến và bảo quản rau quả, trà, cà phê. |
| 6.7 | Dự án chế biến và bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt. |
| 6.8 | Dự án chế biến các sản phẩm từ sữa. |
| 6.9 | Dự án chế biến thức ăn nhanh (snack, mì ăn liền,..). |
| 6.10 | Dự án pha chế, chiết rót nước mắm. |
| 6.11 | Dự án đầu tư xây dựng cơ sở sản xuất bia. |
| 6.12 | Dự án đầu tư xây dựng cơ sở sản xuất nước lọc, nước tinh khiết đóng chai, nước đá. |
| 6.13 | Dự án sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn. |
| 6.14 | Dự án chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản (đã qua sơ chế/ đông lạnh/ khô). |
| **7** | **Nhóm các dự án về chế biến nông sản** |
| 7.1 | Dự án chế biến chè. |
| 7.2 | Dự án đầu tư xây dựng cơ sở sản xuất, chế biến nông sản, tinh bột từ các loại (trừ tinh bột sắn). |
| 7.3 | Dự án đầu tư xây dựng cơ sở chế biến hạt điều, ca cao, hạt tiêu. |
| **8** | **Nhóm các dự án về vật liệu xây dựng** |
| 8.1 | Sản xuất cấu kiện đơn chiếc phục vụ xây dựng công trình giao thông. |
| 8.2 | Sản xuất đá hoa cương đá granite, bột màu. |

|  |  |
| --- | --- |
| **STT** | **Ngành nghề tiếp nhận** |
| 8.3 | Kinh doanh vật liệu xây dựng. |
| 8.4 | Dự án đầu tư xây dựng cơ sở sản xuất gạch, ngói, tấm lợp fibro xi măng (không sử dụng amiang). |
| 8.5 | Dự án đầu tư xây dựng cở sở sản xuất gạch ốp lát các loại. |
| **9** | **Nhóm các dự án về cơ khí, luyện kim** |
| 9.1 | Dự án cán nhôm, sắt thép từ phôi nguyên liệu. |
| 9.2 | Dự án sản xuất sản phẩm từ kim loại đúc sẵn. |
| 9.3 | Dự án sản xuất đồ nhôm gia dụng và cao cấp (không có công đoạn nấu đúc). |
| 9.4 | Dự án sản xuất xe có động cơ (không sử dụng công nghệ sản xuất xe ô tô không đáp ứng tiêu chuẩn khí thải Euro 2).  |
| 9.5 | Dự án đầu tư xây dựng cơ sở cán, kéo, định hình kim loại. |
| 9.6 | Dự án sản xuất các sản phẩm ngũ kim (không gia công xi mạ). |
| **10** | **Nhóm các dự án sản xuất phân bón, thuốc bảo vệ thực vật** |
| 10.1 | Dự án sản xuất phân bón. |
| 10.2 | Dự án đầu tư xây dựng cơ sở sản xuất phân hữu cơ, phân sinh học (chỉ phối trộn, không ngâm ủ, không sử dụng phân chuồng làm nguyên liệu sản xuất hoặc các nguồn nguyên liệu phát sinh mùi hôi khác). |
| **11** | **Nhóm các dự án về giao thông** |
| 11.1 | Dự án đầu tư xây dựng cảng sông, luồng đường thủy nội địa và các dịch vụ có liên quan. |
| **12** | **Nhóm các dự án về dầu khí** |
| 12.1 | Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường ống dẫn dầu, khí; dựa án đầu tư xây dựng khu trung chuyển dầu, khí. |
| **13** | **Nhóm các dự án về chăn nuôi và chế biến thức ăn chăn nuôi** |
| 13.1 | Dự án đầu tư xây dựng cơ sở chế biến thức ăn chăn nuôi (không sử dụng nguyên liệu tươi). |
| **14** | **Nhóm các dự án về năng lượng, phóng xạ, điện tử** |
| 14.1 | Dự án đầu tư xây dựng nhà máy quang điện. |
| **15** | **Nhóm các dự án khác** |
| 15.1 | Gia công cơ khí (tiện, phai, hàn,..). Nhà kho, nhà trưng bày sản phẩm. Dịch vụ kinh doanh bao bì, phụ kiện kỹ thuật liên quan đến khí; |

|  |  |
| --- | --- |
| **STT** | **Ngành nghề tiếp nhận** |
| 15.2 | Dự án cơ khí, chế tạo máy móc, thiết bị (có xi mạ trong dây chuyền sản xuất, không tiếp nhận gia công, sản xuất xi mạ); |
| 15.3 | Dự án sản xuất gas CO2 chiết nạp hóa lỏng; |
| 15.4 | Dự án kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG); |
| 15.5 | Trạm trộn bê tông; |
| 15.6 | Sản xuất que hàn; |
| 15.7 | Hàng tiêu dùng; |
| 15.8 | Dịch vụ hỗ trợ cho hoạt động khu công nghiệp như cho thuê văn phòng, nhà lưu trú cho công nhân viên, ngân hàng, bưu chính, viễn thông, kho bãi (bao gồm cả kho lạnh), dịch vụ kho bãi, vận chuyển, giao nhận, cung cấp thực phẩm, vận tải, vệ sinh công nghiệp, thu gom và vận chuyển chất thải rắn, chất thải nguy hại đến nơi xử lý triệt để ngoài khu công nghiệp. |
| 15.9 | Không tiếp nhận các dự án đầu tư thộc các ngành nghề có nội dung công nghệ thuộc danh mục công nghệ cấm chuyển giao. |
| 15.10 | Dự án đầu tư, xây dựng cơ sở sản xuất các sản phẩm trang thiết bị y tế từ nhựa và cao su y tế (thành phẩm). |
| 15.11 | Dự án đầu tư xây dựng cơ sở sản xuất giày dép. |
| 15.12 | Nhóm các dự án in ấn, dịch vụ liên quan đến in, sao chép bản ghi các loại:+ In ấn;+ Dịch vụ liên quan đến in;+ Sao chép bản ghi các loại. |
| 15.13 | Sản xuất các chế phẩm sinh học cải tạo môi trường. |
| 15.14 | Sản xuất đồ chơi, trò chơi. |
| 15.15 | Sản xuất dụng cụ thể dục, thể thao. |
| 15.16 | Sản xuất nhạc cụ. |
| 15.17 | Sản xuất đồ kim hoàn và các chi tiết liên quan. |
| 15.18 | Sản xuất thực phẩm chức năng. |
| 15.19 | Dự án đóng tàu composite. |
| 15.20 | Nhóm các dự án về nghiên cứu và phát triển sản phẩm: Dự án nghiên cứu và phát triển: nghiên cứu và phát triển kỹ thuật và công nghệ, y học/y tế/y được; nghiên cứu và phát triển công nghệ thông tin, khoa học sinh học, công nghệ sinh học, thực phẩm chức năng, thực phẩm chăn nuôi (trừ các dự án nghiên cứu thuộc nhóm lĩnh vực hạn chế và nghiêm cấm) với điều  |
| **STT** | **Ngành nghề tiếp nhận** |
|  | kiện cần được xem xét trước khi tiếp nhận đầu tư. |
| 15.21 | Dự án trạm trộn bê tông nhựa nóng với điều kiện dự án này chỉ phục vụ cho công tác xây dựng hạ tầng kỹ thuật, các công trình xây dựng trọng điểm trên địa bàn tỉnh, không cung cấp cho các địa bàn lân cận ngoài tỉnh và khi tiếp nhận dự án phải bố trí đúng quy hoạch tránh ô nhiễm chéo. |